



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN LIÊN**

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN LIÊN**

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

ĐƯỢC SOÁT XÉT BỞI

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM (AASCS)

ĐỊA CHỈ

29 VÕ THỊ SÁU, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐT

(08) 3820 5944 - (08) 3820 5947

FAX

(08) 3820 5942

EMAIL

info@aascs.com.vn

Website

www.aascs.com.vn



M.S.N

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo Ban Giám đốc	03 - 04
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	05 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
1. Bảng cân đối kế toán	06 - 08
2. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
4. Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 42



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Liên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viễn Liên được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty số 223/GP ngày 02 tháng 3 năm 1993 do Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059051 ngày 05 tháng 3 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 26 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh:

+ **Chi nhánh Phú Quốc Công Ty Cổ Phần Viễn Liên:** Địa chỉ: Tô 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, xây dựng và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại). Cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten). Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Tư vấn đấu thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình viễn thông và tin học. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, bưu chính viễn thông.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống Xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện lạnh dân dụng và công nghiệp.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây lắp công trình đường bộ.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây lắp công trình bưu chính viễn thông.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Sửa chữa thiết bị liên lạc. Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị bưu chính viễn thông.
- Đại lý, môi giới đấu giá. Chi tiết: Đại lý kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông. Đại lý dịch vụ bưu chính, viễn thông.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng điện lạnh. Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành).
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán thiết bị đầu cuối viễn thông; cáp, thiết bị viễn thông.
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình. Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì các thiết bị điện lạnh.
- Hoạt động viễn thông có dây. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ internet (ISP)
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ tiếp thị.
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng rừng.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

- Lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2015 là 6.335.739.164 đồng.
- Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm 30/06/2015 là 1.983.556.834 đồng.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Phạm Đình Dũng	Chủ tịch
- Ông Phạm Hữu Xuân	Thành viên
- Ông Huỳnh Phan Thanh Vũ	Thành viên
- Ông Trần Thắng Công	Thành viên
- Ông Nguyễn Cao Phong	Thành viên

Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

- Ông Phạm Đình Dũng	Tổng giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau :

<u>Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Phan Thị Phụng	Trưởng ban
- Bà Võ Hồng Hạnh	Ủy viên
- Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- ❖ Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- ❖ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Tổng Giám đốc
Phạm Đình Dũng

Số : 461.....BCKT/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi : - Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Viễn Liên

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của công ty Cổ Phần Viễn Liên tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 kết thúc vào ngày trên, được lập tại ngày 15/07/2015. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kế toán khác được Việt Nam chấp thuận) và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 10 tháng 8 năm 2015**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)****Phó Tổng Giám Đốc****Đinh Thế Đường**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán
0342 - 2013 - 142-1**Kiểm toán viên****Trần Nguyễn Hoàng Mai**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán
1755 - 2013 - 142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		71.292.261.144	76.641.096.937
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.140.378.804	3.095.242.194
1. Tiền	111		3.140.378.804	3.095.242.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	445.000.000	445.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		445.000.000	445.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn (*)	129		0	0
III. Các khoản phải thu	130	V.3	29.863.814.193	24.642.738.602
1. Phải thu khách hàng	131		12.466.977.365	5.841.943.858
2. Trả trước cho người bán	132		3.040.000.000	800.000.000
3. Phải thu nội bộ	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	138		14.464.073.628	18.108.031.544
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(107.236.800)	(107.236.800)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	34.813.274.885	43.578.558.215
1. Hàng tồn kho	141		34.813.274.885	43.578.558.215
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	3.029.793.261	4.879.557.926
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		109.175.002	0
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		545.961.496	2.040.984.200
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154		0	2.207.474
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.374.656.763	2.836.366.252
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		100.991.532.673	100.404.882.673
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		83.256.532.673	82.669.882.673
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	0	0
- Nguyên giá	222		1.207.605.168	1.207.605.168
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.207.605.168)	(1.207.605.168)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	83.256.532.673	82.669.882.673
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	17.735.000.000	17.735.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.735.000.000	17.735.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư dài hạn (*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		172.283.793.817	177.045.979.610

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A NỢ PHẢI TRẢ	300		22.578.742.581	33.676.667.538
I Nợ ngắn hạn	310		22.478.742.581	33.576.667.538
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	2.880.000.000	10.600.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.10	10.316.685.869	19.267.381.577
3. Người mua trả trước	313	V.10	4.490.537.745	795.604.283
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	1.303.311.854	4.131.898
5. Phải trả công nhân viên	315	V.12	314.551.185	236.230.950
6. Chi phí phải trả	316	V.13	1.973.069.800	1.491.497.762
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	544.512.856	525.747.796
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi			656.073.272	656.073.272
II Nợ dài hạn	320		100.000.000	100.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	321		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	323	V.15	100.000.000	100.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	324		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		149.705.051.236	143.369.312.072
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	149.705.051.236	143.369.312.072
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		144.844.680.000	144.844.680.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.015.044.372	5.015.044.372
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(2.233.060.000)	(2.233.060.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		94.830.030	94.830.030
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.983.556.834	(4.352.182.330)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
2. Nguồn kinh phí	432		0	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		172.283.793.817	177.045.979.610

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Hạn mức kinh phí còn lại				
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có				

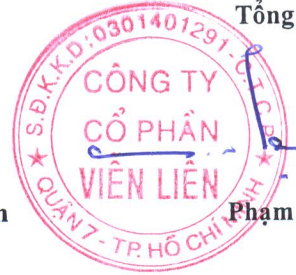
Người lập biểu



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2015
Kế toán trưởng



Trần Thị Phương Lan



Tổng Giám Đốc

Phạm Đình Dũng

011729
CÔNG TY
KHÊM HỮU
TỰ TU
M KẾ
EM TO
A NAM
P. HỒ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	ĐVT : VND	
			6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	26.833.127.849	12.991.798.083
2. Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07)	03	VI.18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	26.833.127.849	12.991.798.083
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	20.531.854.854	11.154.682.120
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.301.272.995	1.837.115.963
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	4.054.908.026	729.610.982
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	189.541.285	498.102.849
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		188.813.425	497.372.221
8. Chi phí bán hàng	24		1.186.351.767	645.872.257
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.337.854.216	1.161.555.887
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.642.433.753	261.195.952
11. Thu nhập khác	31	VI.23	-	22.272.727
12. Chi phí khác	32	VI.23	1.175.262	631.611
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.175.262)	21.641.116
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.641.258.491	282.837.068
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.24	1.305.519.327	-
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		6.335.739.164	282.837.068
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25	447	20

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc




Trần Thị Phương Lan



Phạm Đình Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	ĐVT: VND	
				6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		7.641.258.491	282.837.068
2	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
	Khấu hao tài sản cố định	02		-	-
	Các khoản dự phòng	03		-	-
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.054.180.166)	(751.880.949)
	Chi phí lãi vay	06	VI.22	188.813.425	497.372.221
3	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</i>	08		3.775.891.750	28.328.340
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.288.178.729)	2.359.455.447
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.765.283.330	1.511.750.034
	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.488.480.025)	(2.297.658.359)
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(109.175.002)	(126.424.998)
	Tiền lãi vay đã trả	13		(378.904.110)	(211.985.577)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		54.790.195	103.536.055
	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(20.888.289)	(26.162.649)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		4.310.339.120	1.340.838.293
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(586.650.000)	(562.300.000)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	22.272.727
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	100.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	62.100
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.044.113.590	728.294.317
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.457.463.590	288.329.144
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.000.000.000	600.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.720.000.000)	(1.600.000.000)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.666.100)	(2.554.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.722.666.100)	(1.002.554.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	ĐVT: VND	
				Năm nay	Năm trước
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ (20+30+40)	50		45.136.610	626.612.937
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.095.242.194	2.354.222.213
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	3.140.378.804	2.980.835.150

Người lập biểu

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Trần Thị Phương Lan



Phạm Đình Dũng

5011
CÔNG
NHỆM
VỤ
TÍNH
KIỂM
TÁ N
TP. H